

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **475/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/5/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Trung Kiên

2/ Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn G Phi Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Cường – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1230/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mộng H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 133/37 Đường N, phường M, quận T, TP.Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Đức G, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: 133/37 Đường N, phường M, quận T, TP.Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng H trình bày: Bà và ông Đỗ Đức G tự nguyện kết hôn năm 1998, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyền số 01 do UBND xã V, thị xã X, tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/12/1998. Vợ chồng chung sống gần 20 năm nhưng cuộc sống không hề có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi gây gổ, ông G thường mắng chửi bà và con gái vô cớ, bạo hành tinh thần bà kéo dài trong suốt một thời gian dài làm cho bà sống trong tâm trạng hoang mang, lo sợ và áp lực tinh thần rất lớn. Vợ chồng không thể ngồi lại với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng được nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn trầm trọng, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Đức G.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Y, sinh ngày 07/3/2000. Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Ông Đỗ Đức G trình bày: Ông xác nhận phần trình bày về quan hệ hôn nhân của bà H là đúng. Quá trình chung sống ông có nóng tính hay lớn tiếng và gắt gỏng với vợ, bà H là người hiền lành chưa một lần phản ứng lại những chuyện như vậy. Tuy nhiên, sau đó ông cũng nhận ra lỗi của mình nên chủ động làm lành với vợ. Ông rất thương vợ nên đã nhiều lần tha thứ cho những lỗi lầm của vợ. Hiện nay sức khỏe của ông không được tốt nên mong bà H không ly hôn trong thời gian này, ông nhận ra lỗi lầm và mong bà H tha thứ để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Y, sinh ngày 07/3/2000. Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng H có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Đỗ Đức G đồng ý ly hôn với bà H; con chung: đã trưởng thành; tài sản chung: tự thỏa thuận, về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị Mộng H xin ly hôn với ông Đỗ Đức G đang cư trú tại 133/37 Đường N, phường M, quận T, TP.Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn cư trú tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 122, quyền số 01 do UBND xã V, thị xã X, tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/12/1998 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mộng H và ông Đỗ Đức G là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Qua lời trình bày của các đương sự giữa các bên phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được, do ông G thường bạo hành tinh thần bà H và con gái. Xét từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử ông G không đồng ý ly hôn, Tòa án cũng đã tạo điều kiện và thời gian để hai bên hòa giải đoàn tụ với nhau tuy nhiên ông G không có thiện chí và biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà H và ông G không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa ông G cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Y, sinh ngày 07/3/2000. Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mộng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng H được ly hôn với ông Đỗ Đức G.

- Về con chung: Đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mộng H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0037640 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Q. TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

Trần Thanh Vân